

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 42 /2012/NQ-HĐND8

Thủ Dầu Một, ngày 10 tháng 12 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chế độ chi tiêu tài chính
đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHOÁ VIII - KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT/BTC-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính và Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 149/2011/TTLT/BTC-BVHTTDL ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính và Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao;

Sau khi xem xét Tờ trình số 3270/TTr-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số 30/BC-HĐND ngày 29 tháng 11 năm 2012 của Ban Văn hoá - Xã hội và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Dương như sau:

1. Phạm vi áp dụng

Chế độ chi tiêu tài chính áp dụng cho các giải thi đấu thể thao cấp khu vực; cấp tỉnh; cấp huyện; cấp xã; những hội thi thể thao và các giải thể thao khác tổ chức trên địa bàn tỉnh Bình Dương được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của ngành thể dục thể thao địa phương quyết định (trừ các giải thi đấu bóng đá thuộc hệ thống giải thi đấu của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam) sau đây gọi tắt là giải thi đấu thể thao bao gồm:

- a) Đại hội thể dục thể thao;
- b) Giải thi đấu thể thao của từng môn thể thao;

- c) Hội thi thể thao quần chúng;
- d) Giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức và các Tiểu ban Đại hội thể dục thể thao, hội thi thể thao;
- b) Thành viên Ban tổ chức và các Tiểu ban chuyên môn từng giải thi đấu;
- c) Trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải thi đấu;
- d) Vận động viên, huấn luyện viên;
- đ) Công an, y tế, bảo vệ, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác liên quan hoặc phục vụ tại các điểm tổ chức thi đấu.

3. Thời gian áp dụng

- a) Thời gian tập trung tập luyện (áp dụng cho vận động viên, huấn luyện viên)
 - Đối với các môn thể thao nhóm 1 không quá 25 ngày;
 - Đối với các môn thể thao nhóm 2 không quá 12 ngày.

Riêng đối với những hội thi thể thao, các giải thể thao quần chúng của ngành tỉnh, ngành huyện: Căn cứ vào tính chất, quy mô của giải, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định thời gian tập luyện nhưng không vượt quá 40% số ngày quy định trên.

- b) Thời gian tập trung làm nhiệm vụ của các thành viên, tập trung thi đấu của vận động viên, huấn luyện viên là số ngày có mặt thực tế thực hiện nhiệm vụ hoặc tập trung thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

4. Nội dung chi

- a) Chi tiền ăn, chi tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên;
- b) Chi tiền tàu xe đi về, tiền thuê chỗ ở (nếu có);
- c) Chi tiền ăn, chi bồi dưỡng làm nhiệm vụ cho thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, các tiểu ban chuyên môn, trọng tài và giám sát;
- d) Chi bồi dưỡng cho cán bộ, nhân viên y tế, công an, lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ và nhân viên phục vụ khác;
- đ) Chi thuê địa điểm, tiền điện, nước tại địa điểm thi đấu;
- e) Chi đi lại, thuê phương tiện vận chuyển, phương tiện truyền thông, máy móc thiết bị phục vụ công tác tổ chức giải;
- g) Chi tổ chức lễ khai mạc, trang trí, tuyên truyền, bế mạc, họp Ban tổ chức, tập huấn trọng tài, họp báo;
- h) Chi in vé, giấy mời, biên bản, báo cáo kết quả thi đấu;
- i) Chi làm huy chương, cờ, cúp;

k) Các khoản chi khác có liên quan đến việc tổ chức giải.

5. Mức chi

a) Chi tiền ăn

- Tiền ăn của vận động viên, huấn luyện viên thuộc các đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ tỉnh, đội tuyển năng khiếu tỉnh được hưởng mức quy định theo Thông tư liên tịch số 149/2011/TTLT/BTC- BVHTTDL ngày 07/11/2011 của Bộ Tài chính và Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao.

- Tiền ăn của các đối tượng khác:

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Đối với các giải thi đấu thể thao		
			Cấp khu vực, cấp tỉnh	Cấp huyện, ngành tỉnh	Cấp xã, ngành huyện
1	Tiền ăn đối với thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức và các Tiểu ban Đại hội thể dục thể thao, hội thi thể thao; thành viên Ban tổ chức và các Tiểu ban chuyên môn từng giải thi đấu; trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải thi đấu.		150.000	105.000	75.000
2	Hỗ trợ tiền ăn tập luyện đối với vận động viên, huấn luyện viên không thuộc các đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu tỉnh.	đồng/người/ ngày	45.000	30.000	20.000
3	Hỗ trợ tiền ăn thi đấu đối với vận động viên, huấn luyện viên không thuộc các đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu tỉnh.		100.000	65.000	50.000

b) Tiền bồi dưỡng làm nhiệm vụ

Tiền bồi dưỡng làm nhiệm vụ được tính theo ngày làm việc thực tế hoặc theo buổi thi đấu, trận đấu thực tế. Đối với các đối tượng mà tiền bồi dưỡng không tính được theo ngày làm việc mà tính theo buổi thi đấu hoặc trận đấu thì mức thanh toán tiền bồi dưỡng được tính theo thực tế nhưng tối đa không được vượt quá 3 buổi hoặc 3 trận đấu/người/ngày.

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Đối với các giải thi đấu thể thao		
			Cấp khu vực, cấp tỉnh	Cấp huyện, ngành tỉnh	Cấp xã, ngành huyện
1	Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, Trưởng, phó các Tiểu ban chuyên môn	đồng/người/ ngày	80.000	55.000	40.000
2	Thành viên các Tiểu ban chuyên môn		60.000	40.000	30.000
3	Giám sát, trọng tài chính	đồng/người/ buổi	60.000	40.000	30.000
4	Thư ký, trọng tài khác		50.000	35.000	25.000
5	Công an, y tế		45.000	30.000	20.000
6	Lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, nhân viên phục vụ		45.000	30.000	20.000

c) Chi đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	- Người tập: + Tập luyện	đồng/người/ buổi	30.000	25.000	20.000
2	+ Tổng duyệt (tối đa 2 buổi)		40.000	35.000	30.000

3	+ Chính thức	đồng/người/ buổi	70.000	60.000	50.000
4	- Giáo viên quản lý, hướng dẫn		60.000	40.000	35.000

d) Các nội dung chi còn lại được thực hiện theo các quy định chi tiêu tài chính hiện hành.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Khi giá cả thực tế tăng và trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh các mức chi nhưng không vượt quá 20% mức chi theo quy định của Nghị quyết này.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khoá VIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 7 tháng 12 năm 2012 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua. /: *nhk*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Văn hoá - Thể thao và Du lịch, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- LĐVP: Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH - HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh, Website Bình Dương;
- Chuyên viên VP: ĐĐBQH - HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Vũ Minh Sang